

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29.01.2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Điền

Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Hữu Đức

2. ông Tăng Tài Thủ

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1113/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26.12.2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Võ Thị Thu T**, sinh năm 1988, cư trú ấp X, xã Y, thị xã Z, Tiền Giang.

- Bị đơn: anh **Lê Minh H**, sinh năm 1979, cư trú khu vực A, phường B, quận T, tp. Cần Thơ.

- Người có quyền, lợi ích được bảo vệ:

1. cháu Lê Minh K, sinh ngày 22.3.2012

(Đang sống với chị T tại ấp X, xã Y, thị xã Z; do chị T là người giám hộ).

2. cháu Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 07.3.2014

(Đang sống với anh H tại khu vực A, phường B, quận T; do anh H là người giám hộ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 13.7.2023, nguyên đơn chị Võ Thị Thu T trình bày:* Do được mai mối rồi yêu thương nhau nên chị với anh Lê Minh H được gia đình hai bên tác hợp, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân

(UBND) xã Y, huyện Z, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống bên gia đình chị khoảng 01 năm thì về nhà anh H tại khu vực A, phường B sinh sống cho đến khi ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng anh H thường xuyên quậy phá, chửi bới gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, rồi từ giữa năm 2023 chị về nhà cha mẹ ruột để sống ly thân với anh H đến nay.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm Lê Minh K, sinh ngày 22.3.2012 đang sống với chị Tươi tại ấp X, xã Y và Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 07.3.2014 đang sống với anh H tại khu vực A, phường B; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Minh H; yêu cầu được nuôi cháu K đến trưởng thành, ổn định cho anh H nuôi cháu Mỹ A - không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12.01.2024, bị đơn anh Lê Minh H trình bày:* Anh và chị T tự quen biết, yêu thương nhau được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên vợ khoảng 01 năm thì về gia đình anh tại khu vực A, phường B, quận T, tp. Cần Thơ sinh sống làm thuê đến khi ly thân.

Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là Lê Minh K, đang sống với mẹ (chị T) và Lê Thị Mỹ A đang sống với anh; Tài sản chung: không có; Nợ chung: vợ chồng còn nợ anh Bé T cư trú phường N số tiền vay 100.000.000 đồng, có thể chấp Giấy đất để đảm bảo nợ vay.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ; Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Vợ chồng không có tài sản chung; Yêu cầu tự thỏa thuận trả nợ cho Bé T mà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên theo ý kiến ban đầu; Bị đơn không đồng ý ly hôn; nhưng có thay đổi về quyền nuôi con: yêu cầu được quyền nuôi cháu Mỹ A đến trưởng thành, ổn định cho chị T nuôi cháu K - không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Vợ chồng không có tài sản chung; Yêu cầu giải quyết nợ chung thành vụ kiện khác nếu có tranh chấp.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị Thu T đối với bị đơn anh Lê Minh H; *Về con chung:* ổn định cho chị T được quyền nuôi cháu K, anh H được quyền nuôi cháu Mỹ A đến trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung:* Ghi nhận ý kiến trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện

khác; *Về nợ chung*: tách việc giải quyết nợ chung giữa anh H/chị T với anh Bé T (nếu có) thành vụ kiện khác khi các bên phát sinh tranh chấp.

- Về án phí sơ thẩm: chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: chị Võ Thị Thu T với anh Lê Minh H tự tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Z nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị Tươi có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị T, anh H chung sống từ năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã, anh H thường hay quậy phá, hăm dọa nên từ giữa năm 2023 chị về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh H đến nay. Còn bị đơn anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là không lớn, anh yêu cầu được đoàn tụ với vợ nhưng chị T không chấp nhận. Nay anh còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn được đoàn tụ với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các đương sự có những lời khai không thống nhất về tình cảm vợ chồng nhưng trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T với anh H đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 22.3.2012 - đang sống với chị T tại ấp X, xã Y và Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 07.3.2014 - sống với anh H tại khu vực A, phường B. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với Giấy khai sinh của các cháu nên có căn cứ xác định cháu K và cháu Mỹ A là con chung của chị T, anh H là sự thật.

Theo đó, tại phiên tòa, các đương sự thống nhất ổn định cho chị T được quyền nuôi cháu K, anh H được quyền nuôi Mỹ A đến trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, hơn nữa suốt thời gian qua và hiện nay các cháu vẫn sống cùng cha và mẹ nên được Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của các con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: chị T, anh H yêu cầu đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Quá trình giải quyết, bị đơn cho rằng hiện còn nợ người tên “Bé T” đang cư trú tại phường N với số tiền vay 100.000.000 đồng, có thể chấp đảm bảo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên đương sự không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Bé T. Theo đó, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Bé T tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do nên Tòa không xác định tư cách tham gia tố tụng cũng như quan hệ pháp luật phát sinh (nếu có) giữa nguyên/bị đơn với anh Bé T. Vì vậy Hội đồng xét xử tách vụ việc đòi nợ (nếu có) thành vụ kiện khác khi các bên phát sinh tranh chấp.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56, điều 81, điều 84 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu T đối với bị đơn anh Lê Minh H.

1. *Về hôn nhân*: chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Minh H.

2. *Về con chung*: chị Võ Thị Thu T được quyền nuôi con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 22.3.2012 đến trưởng thành. Anh Lê Minh H được quyền nuôi con chung tên Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 07.3.2014 đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị T, anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Tách vụ việc tranh chấp nợ chung giữa anh Lê Minh H/chị Võ Thị Thu T đối với anh Bé T (nếu có) giải quyết thành vụ việc khác khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: chị Võ Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số 0004193 ngày 31.10.2023 thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận Thốt Nốt.
- THA quận Thốt Nốt.
- UBND xã Long Khánh, huyện Cai Lậy.
(nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền